

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Trọng Khôi.

2/ Bà Tạ Thị Nhuận.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Nguyễn Mộng Cẩm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Trúc Ly – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/2022/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Trương Thị Ngọc H**, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: số A, khóm T, phường X, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

2. **Bị đơn:** Anh **Đinh Văn T**, sinh năm 1985. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: số B, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

3. **Người làm chứng:**

1/ Anh **Lê Thanh H**, sinh năm 1978. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Ông **Trương Văn H**, sinh năm 1966. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: số A, khóm T, phường X, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/8/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn T thành hôn vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân của chị và anh T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đinh Văn T.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đinh Trương Thiên P, sinh ngày 28/02/2018 hiện đang sống chung với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 06/12/2022, người làm chứng anh Lê Thanh H trình bày: Anh là anh rể của anh Đinh Văn T. Giữa anh T và chị H thành hôn có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi thành hôn anh T đi làm còn chị H sống chung gia đình chồng tại ấp Hiệp Thuận, xã Hoà Bình. Giữa anh T và chị H xảy ra mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì anh không biết rõ, anh chỉ biết vào tháng 02 năm 2022 âm lịch chị H mang con đi và không về nữa cho đến nay. Về con chung của chị H và anh T là cháu Đinh Trương Thiên P hiện đang sống với chị H, cuộc sống của cháu vẫn đảm bảo.

Tại biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 02/02/2023, người làm chứng ông Trương Văn H trình bày: Ông là cha ruột của chị Trương Thị Ngọc H. Giữa chị H và anh T thành hôn năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn chị H và anh T chung sống bên gia đình chồng, thời gian đầu sống hạnh phúc, sau này giữa chị H và anh T phát sinh mâu thuẫn, anh T hắt hủi và nhiều lần đuổi chị H đi, anh T đi làm có tiền tự tiêu xài, không quan tâm lo lắng gì cho gia đình, chị H phải tự đi làm thuê để lo gia đình và nuôi con. Ông và gia đình anh T nhiều lần trao đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị H, anh T nhưng anh T không thay đổi tính tình. Nay chị H và anh T sống không có hạnh phúc, chị H xin ly hôn thì ông cũng thống nhất. Về con chung của chị H và anh T là cháu Đinh Trương Thiên P, sinh ngày 28/02/2018 hiện đang sống chung với chị H và gia đình ông, chị H có đi làm thuê để lo cho con, gia đình ông cũng phụ chị H chăm sóc cháu P. Cháu P được cho đi học đầy đủ, phát triển tốt về mọi mặt. Ông thống nhất để chị H tiếp tục nuôi con và ông sẽ phụ chị H chăm lo cho cháu P. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt không lý do dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, văn bản tố tụng là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với người làm chứng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trương Thị Ngọc H được ly hôn với anh Đinh Văn T. Về con chung: Giao con chung tên Đinh Trương Thiên P, sinh ngày 28/02/2018 cho chị Trương Thị Ngọc H nuôi dưỡng, anh Đinh Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không xem xét. Về quan hệ tài sản: Không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H nộp 300.000đ án phí ly hôn nhưng được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0014839 ngày 10/10/2022, chị H đã nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của chị Trương Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, nuôi con chung với anh Đinh Văn T cư trú tại số B, ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt ngày 02/02/2023, bị đơn anh Đinh Văn T được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[1.3] Người làm chứng anh Lê Thanh H và ông Trương Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh H và ông H đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người làm chứng.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Trương Thị Ngọc H và anh Đinh Văn T thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 102 vào ngày 15/9/2011 nên xem quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa chị H và anh T thời gian đầu sống hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Theo lời trình bày của anh Lê Thanh H là anh rể của anh T xác định chị H đã mang con về nhà cha mẹ ruột ở từ tháng 02 năm 2022 âm lịch cho đến nay và theo lời trình bày của ông Trương Văn H là cha ruột của chị H xác định giữa chị H và anh T thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc, sau này thường phát sinh mâu thuẫn, anh T hắt hủi, nhiều lần xua đuổi chị H, anh T đi làm có tiền tự tiêu xài mà không quan tâm lo lắng gì cho gia đình, chị H đi làm thuê để lo cho gia đình và cho con. Ông và gia đình anh T nhiều lần trao đổi, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị H và anh T nhưng anh T vẫn không thay đổi tính tình. Sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng anh T vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa chị H và anh T không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung:

Xét thấy con chung tên Đinh Trương Thiên P, sinh ngày 28/02/2018 hiện đang sống trực tiếp với chị H, cuộc sống của cháu cũng đảm bảo. Chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Anh T không có ý kiến gì về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử xét giao con chung cho chị Trương Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đinh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Trương Thị Ngọc H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Trương Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trương Thị Ngọc H. Xử cho chị H ly hôn với anh Đinh Văn T.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Đinh Trương Thiên P, sinh ngày 28/02/2018 cho chị Trương Thị Ngọc H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đinh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung:

Chị Trương Thị Ngọc H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Trương Thị Ngọc H phải nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) chị H đã nộp theo biên lai thu số 0014839 ngày 10/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Trà Ôn;
- THADS huyện Trà Ôn;
- UBND xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (Giấy chứng nhận kết hôn số 102 ngày 15/9/2011);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Thúy An